

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm

Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Tinh Hoa

Chủ giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Địa điểm: Giảng Đường Hoa Nghiêm Malaysia

Thời gian: Ngày 27 Tháng 12 Năm 2009

Tập 9

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem tiếp đoạn Bốn Mười Lăm trong kinh Vô Lượng Thọ Tinh Hoa.

Kinh văn: “Thế gian nhân dân bất niệm tu thiện. Lương thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ. Tăng tât thiện nhân, bại hoại hiền minh. Bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng”.

Hôm qua chúng tôi đã giảng đến đoạn này. Đối xử với cha mẹ, sư trưởng mà bất hiếu, đây là người không biết luân thường đạo lý, chẳng những là trong đại chúng xã hội, mà trong Phật môn cũng không ngoại lệ. Phật tại trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, có chỉ dạy cho chúng ta Tịnh Nghiệp Tam Phước. Phước thứ nhất chính là *“hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, lòng Từ không giết, tu thập thiện nghiệp”*. Do đây mới biết, *“hiếu thân tôn sư”* là căn bản của học Phật, con người không hiếu thuận cha mẹ, chẳng tôn kính sư trưởng, bất luận họ học thế pháp hay học Phật pháp, họ cũng không được thành tựu. Cái đạo lý này, đại sư Ấn Quang tại trong bộ Văn Sao có nói rất nhiều. Chúng ta tu học, tâm của chúng ta phải thành kính, tổ Ấn Quang có nói: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Chúng ta từ nơi nào tu học tâm thành kính? Chính là từ nơi thầy giáo và cha mẹ.

Ở Trung Hoa khi đứa trẻ nó chưa biết nói, chưa biết đi, khi vừa mới sanh ra thì dạy học nó những gì? Dạy nó học hiếu, học kính. Cha mẹ nhất định phải tận tâm mà dạy dỗ cho con cái. Xưa kia là một đại gia đình cha mẹ và con cái, mấy đời cùng sống chung với nhau, cho nên bậc cha mẹ trong gia đình có rất nhiều trưởng bối. Người lớn biết giữ hiếu đạo, con cái chúng nhìn thấy, chúng

nghe được thì chúng học theo. Lúc con cháu còn nhỏ, chúng chưa biết nói, chưa biết đi, chúng cần dạy dỗ để đắp vững nền tảng hiếu thân. Sau khi có nền tảng hiếu thân, tương lai chúng đi học sẽ lấy hiếu thân làm kính thầy, đó là lẽ đương nhiên. Cổ nhân có nói “*thuận theo dòng nước*”, thì chúng học rất dễ. Đối với thầy giáo có một phần thành kính thì thầy giáo chỉ dạy cho quý vị một phần, đối với thầy giáo có mười phần thành kính thì thầy giáo chỉ dạy cho quý vị mười phần. Thầy giáo giảng dạy cho quý vị là bình đẳng, chẳng có thiên vị chút nào. Thế nhưng học trò rất nhiều, mỗi vị học trò có được sự lợi ích cũng khác nhau.

Cho nên cũng có người họ nói rằng, có người thông minh, có người ngu dốt, có người có ngộ tánh, có người chẳng có ngộ tánh, nói như vậy cũng có lý, thế nhưng không phải là hoàn toàn đúng hết. Đó đều là thuộc về duyên, cái nhân đầu tiên chính là đối với thầy giáo thành kính, phải có tâm thành kính. Người nào đối với thầy giáo thật sự có tâm thành kính, họ nhất định học được những gì mà thầy giáo đã dạy. Thầy giáo biết xem xét học trò, cũng là từ chỗ này mà xem xét. Biết được đưa học trò nào tương lai sẽ có thành tựu, thầy giáo không phải xem thông minh trí tuệ của học trò, mà là xem tôn sư trọng đạo của học trò, thầy giáo xem xét là ở chỗ này. Nếu là có mười phần thành kính, thì thầy giáo sẽ đặc biệt lưu ý đến, đặc biệt lưu ý đến là thầy giáo để trong tâm. Bên ngoài thầy giáo vẫn giảng dạy cho các học trò đều như nhau, bài giảng đều như nhau.

Thầy giáo chẳng thể không giảng, chẳng thể không dạy, thế nhưng mỗi vị học trò học được mấy phần là chuyện riêng của vị học trò đó. Thì giống như trời mưa vậy, mưa rơi xuống đất là bình đẳng... là bình đẳng, cây lớn thì hấp thụ nước nhiều, cây nhỏ thì hấp thụ nước ít, hoàn toàn đều như nhau, không có liên hệ gì với trời mưa. Thầy giáo dạy học cũng là như vậy, thầy giáo luôn luôn hết lòng, tận tâm tận lực mà giảng dạy, các học trò học được mấy phần, trong tâm thầy giáo cũng biết rõ. Thầy giáo cũng giảng nhiều môn học, tức là thầy giáo đặc biệt đối với các học trò giảng dạy, thầy cũng rất biết rõ những học trò nào không thể tiếp nhận, thế nhưng cũng có học trò có thể tiếp nhận thì phải hết lòng chỉ dạy. Cho nên tôn kính thầy giáo là điều rất quan trọng. Quý vị nên biết, học hỏi phải có tâm chân thành, tâm chân thành biểu hiện

đôi cha mẹ là Hiếu, biểu hiện đối với thầy giáo là Kính. Cha mẹ đối với ta có công ơn nuôi dưỡng, dạy dỗ, ta phải nên tận hiếu. Pháp thế gian và xuất thế gian đều xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Cho nên không có hiếu đạo, bậc thánh hiền của thế gian và Phật, Bồ Tát của xuất thế gian không có nền tảng thì họ làm sao được thành tựu? Phật pháp là sư đạo, cho nên chúng ta phải chú tâm mà quan sát, mà suy nghĩ. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, số học trò của Ngài đi khắp nơi, bốn phương tám hướng để truyền giáo. Họ truyền bá nền giáo dục của Phật Đà, có những nơi sau hai, ba trăm năm thì không còn nữa, suy diệt, có những nơi năm, sáu trăm năm thì không còn nữa.

Duy chỉ có một dòng truyền đến Trung Hoa, sau khi truyền đến Trung Hoa thì mọc rễ, nảy mầm, hoa nở, kết trái. Sự thành tựu còn vượt hơn ở Ấn Độ, đây là nguyên nhân gì? Nguyên nhân chính là chư tổ sư đại đức đặc biệt chú trọng hiếu đạo, đặc biệt tôn trọng sư đạo, nguyên nhân là ở tại chỗ này. Phật pháp được truyền đến Trung Hoa là do hoàng đế phái đặc sứ lễ thỉnh các bậc cao tăng từ Ấn Độ đến. Vì Ấn Độ cách Trung Hoa quá xa, chẳng phải học trò của Thế Tôn đến Trung Hoa để truyền giáo, mà đặc sứ họ đến Tây Vực, tức hiện nay là Tân Cương, Tân Cương sát gần với Trung Hoa. Hoàng đế Trung Hoa lễ thỉnh họ đến truyền giáo và tấn phong họ làm quốc sư, làm lễ thỉnh rất long trọng. Do nguyên nhân này mà Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, có nền tảng vững chắc. Đây chính là xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Ngày nay chúng ta học Phật, nếu muốn tu học Phật pháp có được thành tựu, quý vị chẳng thể không biết điều này. Chúng ta ở nhà, chẳng có tận tâm hiếu đạo, thân cận với thầy giáo, chẳng có tận tâm sư đạo. Dù có tu học, dù có dụng công, dù có cố gắng như thế nào, quý vị chỉ được Phật pháp thường thức ngoài da, không đạt được phần tinh túy giáo dục của Phật Đà. Muốn đạt được phần tinh túy, là phải nhờ vào tâm chân thành, tâm hiếu kính của mình mà lãnh ngộ. Vị thầy, tuy có giảng dạy tường tận, nhưng quý vị nhất định phải lãnh ngộ. Cho nên bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng, thì họ đối với học thuật của thánh hiền, họ chẳng có cách nào lãnh hội được. Họ đối với mọi người:

Kinh văn: “Bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật”.

Trí tuệ và đức năng, cho đến kỹ thuật của chúng ta đều là do thầy chỉ dạy, cho nên bậc cha mẹ và sư trưởng của chúng ta có ân đức rất lớn. Nếu quên ân đức của cha mẹ và sư trưởng, cũng chẳng để trong tâm, quý vị nghĩ xem, họ có bằng hữu hay không? Vào thời xưa, bằng và hữu có phân biệt. Bằng là bạn học, Hữu là đồng chí hướng, cho nên Hữu thân hơn Bằng. Hữu là chí đồng đạo hợp, trong suốt đời họ nhất định chăm sóc lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, có mối quan hệ mật thiết như vậy. Cái mối quan hệ này đều là từ trong hiếu thân, đều là từ trong hiếu đạo mở rộng ra.

Nếu không có hiếu đạo thì chẳng có lòng thương yêu của giữa bằng hữu và bằng hữu, sẽ trở thành mối quan hệ gì? Sẽ trở thành mối quan hệ “lợi” và “hại” trong xã hội ngày nay. Đối với ta có lợi là bạn bè, nếu đối với ta chẳng có lợi thì trở thành người xa lạ. Vào thời xưa cũng có tình hình này, nhưng rất ít, không thấy nhiều, trong xã hội ngày nay thì thường thấy! Cho nên người hiện nay thật là đáng thương, nay chúng ta đang sống trong xã hội này, có mấy người thật sự quan tâm chúng ta? Có mấy người thật sự chăm sóc chúng ta? Chúng ta chú tâm mà quan sát, anh em, chị em, thân nhân, quyến thuộc cũng muốn xa lánh chúng ta, hướng chi là bạn bè?

Trong xã hội ngày nay, sự giao dịch giữa người với người và sự giao dịch giữa quốc gia với quốc gia hầu như đều là lợi và hại, chẳng có đạo nghĩa. Xưa kia thì nói đạo nghĩa, không nói lợi và hại, cho nên mối quan hệ của họ duy trì được lâu dài, mối quan hệ bạn bè cũng duy trì được suốt một đời, thậm chí có thể kéo dài đến đời sau. Sự giao dịch giữa quốc gia với quốc gia cũng là như vậy, tuy có thay đổi triều đại, nhưng sự giao dịch vẫn liên hệ từ đời này đến đời khác. Bỉ thử quan tâm, bỉ thử chiếu cố, hợp tác lẫn nhau, ngày nay gọi là cùng sống còn, cùng vẻ vang. Còn tự họ thì sao?

Kinh văn: “Tôn quý tự đại, vị kỹ hữu đạo”.

Hai câu này là nói cá nhân họ, tức là nói họ cống cao, ngã mạn. Bởi vì có ngạo mạn cho nên họ mới coi thường cha mẹ, họ nghĩ rằng sư trưởng cũng không bằng họ. Sư trưởng cũng chẳng có giỏi như họ, chẳng có thông minh như họ, cho nên họ đối xử với sư trưởng có thái độ ngạo mạn. Trước kia tôi ở Đài Trung tu học, thầy Lý có nói cho chúng tôi nghe rất nhiều về chuyện này,

ở dưới quê hoặc ở nông thôn, cha mẹ đều hy vọng con cái đời sau có thể phát đạt, cải thiện đời sống trong gia đình. Cha mẹ làm việc cực khổ, kiếm được một ít tiền để cho con cái đi học, lúc học Tiểu Học đến Trung Học, con cái còn biết hiếu thuận cha mẹ. Nhưng khi học đến Đại Học thì tâm của nó thay đổi, bởi vì nó sống ở thành thị lâu rồi nên chán chê cuộc sống nghèo nàn ở nông thôn.

Bạn bè của nó cũng nhiều, không muốn cha mẹ mình gặp mặt bạn bè của nó, nó nghĩ rằng cha mẹ chẳng có đi học, chẳng có học thức, bạn bè của nó đều có học thức. Vì muốn giữ thể diện của mình, cho nên không để cho cha mẹ gặp mặt với bạn bè của nó. Quý vị nghĩ xem, trong tâm của cha mẹ rất buồn, lúc con cái chưa đi học, vẫn còn biết hiếu thuận cha mẹ. Khi học thức của nó càng học càng nhiều, học thức càng ngày càng cao, nên thầy Lý có nói con mắt của nó dần dần mọc lên đến đỉnh đầu, chẳng coi ai ra gì. Đây là nguyên nhân gì? Bây giờ chúng tôi mới hiểu rõ, vì lúc còn nhỏ đã lơ là sự giáo dục nền tảng, khi nó lớn lên đi học, thầy giáo cũng chẳng có giảng dạy sự giáo dục luân lý, đạo đức. Hiện nay nó tiếp nhận, trong trường dạy học hoàn toàn là chủ nghĩa công lợi, chẳng có giảng dạy đạo đức. Lại còn có các bậc cha mẹ, đưa con cái mình ra nước ngoài du học, thật ra cha mẹ đã cắt đứt mối quan hệ với con cái, con cái không còn nhận biết cha mẹ. Con cái ở nước ngoài nhiều năm, không còn nghĩ đến gia đình, thậm chí đã quên lãng, đây là đại bất hiếu. Những người như vậy, còn có tiền đồ hay sao? Những người như vậy, trong xã hội có thể phát đạt hay sao? Họ không có báo ứng hay sao? Họ chẳng tin nhân quả, họ tự tin mình rất có khả năng, họ chỉ chăm lo vợ con của mình, họ không còn chăm lo gia đình nữa. Cho nên đưa con ra nước ngoài tức là đã mất đi đứa con này. Đứa con này mà còn có thể trở về, đó là chuyện không dễ. Đây là nói về thái độ ngạo mạn.

Khổng Tử tại trong sách Luận Ngữ có nói một câu, Ngài nói được rất hay, Ngài nói có một người, giả thiết có một người, học thuyết giỏi như Chu Công vậy. Chu Công là bậc thánh nhân, là một vị thánh mà trong tâm của Khổng Tử ngưỡng mộ nhất, Khổng Tử cũng rất muốn học theo Chu Công, nhưng chẳng có cơ hội, mục đích thật sự của Ngài, chu du liệt quốc là như vậy. Lúc đó có rất nhiều quốc gia và các chư hầu tiếp kiến với Khổng Tử, nhưng không

dùng Ngài, sau cùng Ngài mới trở về quê nhà dạy học. Ngài về đến quê nhà, năm đó Ngài sáu mươi tám tuổi. Ngài sáu mươi tám tuổi bắt đầu dạy học, dạy hết năm năm, năm bảy mươi ba tuổi thì Ngài qua đời. Cho nên Khổng Tử thật sự, toàn tâm, toàn lực chuyên dạy học, chỉ có năm năm, về sau Ngài trở thành Chí Thánh tiên sư. Chúng ta suy nghĩ xem, dù Ngài có năm mộng cũng không nghĩ đến, nếu lúc đó Ngài nghĩ đến, thực hiện công tác giáo dục, có thể thành đại công, lập đại nghiệp. Tôi tin rằng, lúc Ngài ba mươi tuổi, sẽ thực hiện công tác giáo dục, như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi khai ngộ, còn Khổng Tử ba mươi tuổi tự lập, tức là Ngài đã thành tựu học vấn. Thế nhưng, mục đích của Khổng Tử là ngưỡng mộ Chu Công, Ngài cũng muốn trợ giúp cho vua một nước để triển khai chí lớn của Ngài. Tự Ngài khẳng định có lòng tin như vậy, Ngài cũng có thể làm nên sự nghiệp như Chu Công vậy, nhưng vì chẳng có cơ duyên.

Còn Thích Ca Mâu Ni Phật, xuất thân là một hoàng tử, nếu Ngài không đi xuất gia, sẽ kế thừa ngôi vua của phụ vương, Ngài chẳng phải làm tể tướng mà Ngài là làm quốc vương. Thế nhưng Phật biết rõ, làm một vị quốc vương, dù có phát huy chí lớn của mình, chỉ có thể làm lợi ích cho một nước. Thời đại của Khổng Tử và Thích Ca Mâu Ni Phật, cách nhau không xa, các nước của thời đại đó đều là nước nhỏ. Lúc đó Ấn Độ chưa có thống nhất, Trung Hoa cũng chưa có thống nhất, là thuộc trạng thái chia năm xẻ bảy. Khổng Tử là người nước Lỗ, nước Lỗ tức là hiện nay chỉ có mấy huyện, thuộc phạm vi của tỉnh Sơn Đông. Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài hy vọng cống hiến, thực hiện hoài bão lớn nhất của mình, có thể vượt ngoài giới hạn quốc gia, có nghĩa là làm lợi ích cho thiên hạ, chẳng phải chỉ có làm lợi ích cho quốc gia mà thôi. Cho nên, Ngài cương quyết thực hiện công tác giáo dục. Ngài suốt đời đi giảng dạy, chỗ nào có duyên thì đi đến chỗ đó giảng dạy, pháp duyên của Ngài rất rộng, mọi người đều khẳng định.

Phàm là ai theo học với Ngài đều khen ngợi Ngài, cho nên có rất nhiều người ngưỡng mộ, và có rất nhiều người lễ thỉnh Ngài. Có nhiều quốc vương, đại thần thỉnh Phật giảng kinh, thuyết pháp, các phần tử trí thức trong nhân gian cũng đến nghe Phật giảng kinh thuyết pháp. Họ đã tiếp nhận lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ nhất định là tán thán, lễ thỉnh, cho nên dấu chân

của Ngài hầu như đi khắp Ấn Độ. Ngài sanh trưởng tại vùng Hy Mã Lạp Sơn, tức là hiện nay nước Nepal, giáo pháp của Ngài truyền đến phía Nam đảo Tích Lan. Quý vị nên biết, lúc đó chẳng có giao thông, công cụ, phải đi bộ, lúc đó Ấn Độ chia thành năm khu vực, Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung gọi là Ngũ Ấn Độ, giáo dân của Ngài thấy đều đi đến. Giảng dạy suốt bốn mươi chín năm, chúng ta từ phương diện tôn giáo mà nhìn, người sáng tạo của tôn giáo, đều là bậc đại thánh, đại hiền, họ giảng dạy toàn là giáo dục xã hội. Họ thật sự là bậc thánh hiền, công hiến vô tư, không vì bản thân mình, họ chẳng có tự tư, tự lợi, chẳng có danh vọng, lợi dưỡng. Cho nên người thế gian, người đòi sau tôn xưng họ là thánh hiền, người thế gian không làm được, họ làm được. Người nào mà chẳng có ý niệm tự tư, tự lợi, chỉ có vài người cực thiểu số thì không có tự tư, tự lợi, khởi tâm động niệm liền nghĩ đến trong xã hội này có rất nhiều chúng sanh khổ nạn, cần phải giúp đỡ.

Vì sao chúng sanh lại chịu khổ, chịu nạn? Cái nhân gần là chẳng có tiếp nhận sự giáo dục, nhân xa là trong đời quá khứ không có trồng thiện căn. Người thế gian chẳng biết nhân xa, chỉ biết nhân gần, cho nên các bậc thánh hiền, đối với tất cả chúng sanh khổ nạn, chiếu cố được rất chu đáo, giúp cho họ phá mê, khai ngộ. Tất cả khổ nạn là từ trong mê hoặc mà sanh ra, thật sự vui sướng là từ trong học tập mà đạt được. Trong số học trò của Khổng Tử, có lẽ người vui sướng nhất là Nhan Hồi, Khổng lão phu tử thường khen ngợi, tuy cuộc sống vật chất của Nhan Hồi rất là bần khổ, nhưng cuộc sống tinh thần của Nhan Hồi rất vui sướng. Lúc đó cuộc sống vật chất của Nhan Hồi cũng gần như là người ăn mày, chỉ tốt hơn người ăn mày một chút mà thôi, Khổng Tử nói, nếu là người khác sống cuộc sống như Nhan Hồi, chắc có lẽ chịu không nổi, nhất định là rất lo lắng buồn rầu. Thế nhưng Nhan Hồi, suốt ngày đến tối, nét mặt tỏ ra vô cùng vui sướng, vì sao lại vui sướng? Vì đó là cuộc sống tinh thần, Nhan Hồi theo Khổng Tử học tập trí tuệ và đức hạnh của thánh hiền. Đây là nói rõ chân chánh của sự vui sướng, nhất định phải học tập đức hạnh của thánh hiền.

Vật chất có thể đem lại cho con người được sự vui sướng hay không? Chưa chắc. Chúng ta hãy nhìn trong thế gian hiện nay, những người có ức vạn tài sản, họ có vui sướng hay không? Không vui sướng. Tôi cũng quen

biết nhiều người, thậm chí họ nói với tôi rằng, mỗi ngày họ phải uống thuốc an thần, nếu không uống thuốc an thần thì chẳng thể ngủ được. Suốt ngày từ sáng đến tối họ buồn rầu không yên, họ có những chuyện lo lắng quá nhiều, có lẽ chuyện lo lắng nhất, tức hiện nay gọi là gió bão tiền tệ, mỗi ngày trong đầu óc của họ lo nghĩ lúc được lúc mất. Quý vị nghĩ xem, họ lo buồn như vậy, làm sao có sự vui sướng? Cho nên họ giàu mà không vui, họ sang cũng không sướng, thật chẳng bằng người nghèo mà vui, họ chẳng có lo lắng chuyện gì. Như Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời không có lo lắng, tự Ngài chẳng có sản nghiệp, suốt đời chẳng có xây dựng đạo tràng, nghỉ dưới gốc cây, một ngày ăn một bữa, ba y một bát, Ngài hoàn toàn chẳng lo lắng cái gì. Ngài có được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ của Ngài ở đâu? Chính là số học trò đi theo Ngài, nhìn thấy số học trò ai nấy đều có thành tựu, làm sao mà không hoan hỷ! Có người khai ngộ, có người chứng quả. Có người chứng quả A La Hán, có người chứng Bồ Tát đạo, Ngài hoan hỷ vì giảng dạy có được thành tựu, số học trò tu học có được thành tựu.

Lúc bình thường, họ rời khỏi bốn sự đi khắp nơi giảng dạy, cũng như thầy vậy. Thế nhưng cứ mỗi năm, có thời gian ba tháng trở về bên bốn sự, trong mùa Hè, mùa Hè là mùa mưa, đi khát thực không tiện lắm, phải tìm một nơi để an cư. Đây chính là hiện nay gọi là giáo dục kiến tu, mỗi năm ba tháng thân cận với thầy để nâng cao sự tu hành của mình. Thời gian chín tháng đi giáo hóa chúng sanh, đó là điều vui sướng nhất, cũng là giảng dạy lẫn nhau. Điều vui sướng này, người thế gian không lãnh hội được, nhất định phải khế nhập cảnh giới thì mới lãnh hội được. Nay trong đoạn kinh văn này, nói về vọng ngữ, những người tạo ác, họ không thành thật là không có tín dụng, những người này họ tỏ ra cống cao ngã mạn, họ còn nói dối, tự mình có đạo, tại trong Phật pháp gọi là đại vọng ngữ. Họ vì muốn hủy báng các bậc thánh hiền, họ tự mình hy vọng dành lấy mà thay thế, khiến cho quần chúng tin họ, họ lừa gạt chúng sanh, tại trong Phật pháp nói, không có chứng đắc mà họ nói tự mình đã chứng quả. Hiện nay trong thế gian này cũng có người nói như vậy, vả lại, cũng có những người học Phật rất tin lời họ nói, họ nói với mọi người rằng họ là A La Hán hay là Bồ Tát gì đó, họ đến tái lai, thậm chí nói họ là Phật tái lai, cũng có số tín đồ đến lạy họ làm thầy. Lúc đó tôi còn ở bên

Mỹ, có số đồng tu đến hỏi tôi, thì tôi nói: “Họ nói ra rồi, họ có đi vãng sanh hay không?” Không có, họ vẫn còn sống! Tôi nói: “Đó là giả, chẳng phải thật”.

Trong Phật môn có một quy củ, nếu thân phận đã bộc lộ mà họ không ra đi, đó là giả, còn như thân phận đã bộc lộ, họ liền ra đi, đó là thật. Trong lịch sử Trung Hoa, có rất nhiều vị đều như vậy, hễ vừa bộc lộ thân phận thì họ liền ra đi, đó là thật. Trong Phật môn có ghi chép rất nhiều sự tích như vậy, nếu thân phận đã bộc lộ mà họ không ra đi, đó là họ dùng lời lẽ hoang đường để mê hoặc quần chúng, trong nhà Phật tuyệt đối không chấp nhận. Vậy thì có Phật, Bồ Tát, A La Hán đến thế gian này hay không? Có, nhưng họ tuyệt đối chẳng bộc lộ thân phận. Họ đang trong giai đoạn thị hiện, dù pháp duyên đã hết họ cũng không bộc lộ thân phận, có rất nhiều vị đều như vậy. Nhưng cũng có nhân duyên đặc biệt, khi thân phận đã bộc lộ, quý vị muốn tìm cũng tìm không thấy họ.

Quý vị đều biết hòa thượng Bồ Đại, trong tự viện có thờ Di Lạc Bồ Tát. Di Lạc Bồ Tát là hòa thượng Bồ Đại, Ngài là người của đời nhà Tống, cùng một thời đại với Nhạc Phi, Ngài xuất hiện ở huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Vị xuất gia này, không ai biết được Ngài từ nơi nào đến huyện Phụng Hóa, Ngài họ gì, tên gì cũng chẳng ai biết được. Trong Cao Tăng Truyện có ghi chép, nhưng không biết tên họ của Ngài là gì, cũng không biết quê quán của Ngài ở đâu, không biết Ngài sanh vào lúc nào, chỉ thấy một vị xuất gia, mỗi ngày cầm một cái túi vải lớn, hình như là đi hóa duyên vậy. Người ta cho cái gì thì bỏ vào trong túi vải, cho nên có cái tên là hòa thượng Bồ Đại, mọi người đều biết vị xuất gia này, là hòa thượng Bồ Đại. Lúc sắp ra đi Ngài nói với mọi người rằng Ngài là Di Lạc Bồ Tát tái lai, Ngài nói xong thì Ngài liền ra đi, Ngài chẳng có bệnh, Ngài ngồi xếp bằng mà ra đi, đó là đã bộc lộ thân phận. Cho nên người Hoa tạo tôn tượng của Di Lạc Bồ Tát thì tạo tượng hòa thượng Bồ Đại, còn ở Ấn Độ, tôn tượng của Di Lạc Bồ Tát không phải vậy, người Ấn Độ tạo tượng, là tượng óm giống như tôn tượng của Quán Âm Bồ Tát vậy. Còn người Tây Tạng tạo tôn tượng của Di Lạc Bồ Tát cũng không phải như vậy, mà cũng chẳng giống như Trung Hoa. Cho nên người Hoa tạo tôn tượng của hòa thượng Bồ Đại, đó là Ngài lúc sắp ra đi nói ra, nói rồi liền ra đi.

Cho nên chúng ta phải biết thường thức này, chẳng thể tin lời đồn thất thiệt, chúng ta học Phật nhất định phải tuân theo kinh điển. Lúc Phật sắp diệt độ, Ngài dạy cho chúng ta Tứ Y Pháp, Tứ Y Pháp này là do tôn giả A Nan khái thỉnh. Lúc Phật sắp diệt độ thì tôn giả A Nan hỏi Phật: “Lúc Ngài còn tại thế, chúng con đều y theo Ngài làm thầy, nay Ngài không còn tại thế, chúng con y theo ai làm thầy?” Thì Phật nói: “Lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy”, có nghĩa là phải trì giới và không sợ chịu khổ. Sau đó Phật lại nói Tứ Y Pháp, “*y pháp bất y nhân*”, pháp là gì? Là kinh điển, không y theo người. “*Y nghĩa bất y ngữ*”, lời nói của Phật, quý vị phải hiểu được ý nghĩa, lời nói không có quan hệ, nói nhiều, nói ít, nói sâu, nói cạn cũng không quan trọng, mà quan trọng nhất là nghĩa lý, quý vị phải hiểu được ý nghĩa của Phật nói. Câu này rất quan trọng, bởi vì Phật biết trong tương lai, Phật pháp sẽ lưu truyền trên toàn thế giới, ngôn ngữ khác nhau, văn tự khác nhau, cần phải phiên dịch, chỉ cần phiên dịch đúng ý nghĩa thì được rồi.

Nay chúng ta tu học và cũng đem Phật pháp giới thiệu cho người khác, có câu này làm y cứ, thì chẳng có vấn đề. Ý nghĩa nhất định phải tương ứng với trong kinh điển đã nói, nếu chẳng tương ứng với kinh điển thì không phải Phật nói, đó là ma nói. Cho nên lúc kết tập kinh tạng, việc này giao cho tôn giả Ca Diếp và A Nan, tôn giả Ca Diếp là truyền Thiên Tông, tôn giả A Nan là truyền Giáo Hạ. Năm xưa Phật còn tại thế, mỗi ngày Phật giảng kinh thuyết pháp, không có ghi chép, chẳng có kinh điển. Có kinh điển là sau khi Phật diệt độ, tôn giả A Nan là thị giả của Phật, mỗi lần lúc Phật giảng kinh, tôn giả A Nan cũng có mặt, tôn giả A Nan nghe Phật giảng kinh là đầy đủ nhất. Cho nên có người muốn hỏi, tôn giả A Nan và Thích Ca Mâu Ni Phật là anh em họ, anh em họ tổng cộng có tám người. Phụ thân của Thích Ca Mâu Ni Phật có bốn anh em, họ tổng cộng có bảy người con, Thích Ca Mâu Ni Phật là anh cả, tôn giả A Nan là em út, tuổi tác nhỏ hơn Phật hai mươi tuổi. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, rời khỏi hoàng cung là năm mười chín tuổi, lúc đó tôn giả A Nan vẫn chưa ra đời, đến khi Thích Ca Mâu Ni Phật bắt đầu giảng kinh, là năm ba mươi tuổi thì tôn giả A Nan mới ra đời. Hay nói cách khác, hai mươi năm về trước, tôn giả A Nan không có nghe Phật giảng kinh, tôn giả A Nan hai mươi tuổi mới xuất gia, làm thị giả của Phật.

Trong kinh có ghi chép, Phật đã giảng kinh hai mươi năm mà tôn giả A Nan không có nghe qua, thì Phật giảng lại cho tôn giả A Nan nghe, cho nên tôn giả A Nan nghe giảng kinh đầy đủ nhất. Sau khi Phật diệt độ, nhờ có sức trí nhớ của tôn giả A Nan, chỉ nghe một lần thì mãi mãi chẳng bao giờ quên mất, cho nên đại chúng thỉnh A Nan giảng lại, và năm trăm vị A La Hán làm chứng minh. Năm trăm vị A La Hán nghe tôn giả A Nan giảng kinh, nghe xem có phải là năm xưa Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, chứng minh tôn giả A Nan không có nói sai. Chỉ cần có một vị phản đối thì phải xóa bỏ câu kinh đó, không được ghi chép thành kinh điển, nhất định phải năm trăm vị đều đồng ý, chẳng có phản đối mới được thông qua, chẳng phải đa số, chỉ cần một vị có nghi hoặc là không thể lưu lại. Đây là tiêu chuẩn của kết tập kinh tạng, để cho người đời sau có lòng tin, để cho người đời sau đối với kinh điển có thể sanh lòng tin. Tôn giả A Nan giảng lại, chính là Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, nghiêm cẩn đến như vậy!

Từ đó về sau, trong Phật môn, từng đời đào tạo pháp sư giảng kinh, thầy đều dùng phương pháp giảng lại, học trò giảng lại lời của thầy. Dùng phương pháp này rất có lợi ích, sự lợi ích thứ nhất là nuôi thành thói quen “*khiêm tốn*”. Chúng ta học đạo, thái độ xử thế, đối người, tiếp vật, điều đầu tiên là phải khiêm tốn, nhất định không có cống cao, ngã mạn. Giảng lại lời của thầy, chẳng phải là của mình, chỉ giảng lại lời của thầy, thầy cũng giảng lại lời của thầy, đời đời tương truyền. Dùng phương pháp này học khiêm nhường, học cung kính, học buông bỏ, ngạo mạn, đồng thời đối với kinh giáo tôn trọng, đối với thầy là tôn kính, đối với mình là tu học. Đồng thời hoàn thành tam học Giới - Định - Tuệ. Giới là quy củ, tuân theo quy củ của tôn giả A Nan, đời đời tương truyền chính là trì giới, không vi phạm. Sự lợi ích thứ hai là tu Định, lúc quý vị giảng kinh, không cần chuẩn bị tài liệu, cũng không cần tìm kiếm tài liệu, vì tâm của quý vị đã định. Định đến mức độ nhất định thì đột nhiên khai ngộ, đã đạt đến mục đích. Sau khi khai ngộ, những lời Phật đã nói cùng với tự quý vị đã chứng đắc hoàn toàn tương đồng, gọi là Phật Phật đạo đồng, hoàn toàn như nhau. Cho nên kim Phật như cỏ Phật tái lai, nhất định chẳng có khác nhau. Mục đích sau cùng của sự tu học chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, cái phương pháp này, ở Trung

Hoa đã dùng hai ngàn năm. Lịch đại cao tăng đại đức xuất hiện, hàng cư sĩ tại gia học Phật cũng không ngoại lệ. Thế nhưng cái phương pháp này, truyền thừa đến ngày nay thì không còn truyền nữa. Cổ nhân nói sư thừa, hiện nay không còn có sư thừa, hiện nay giảng kinh đều là có cái ý của mình trong đó. Cho nên vấn đề này càng ngày càng nhiều, chân kinh càng ngày càng ít, sự lầm lẫn càng ngày càng nhiều, chúng ta phải biết rõ điều này.

Cho nên thầy Lý chỉ dạy cho chúng tôi, chọn kinh điển, phải xem trong Đại Tạng Kinh, mà phải xem Đại Tạng Kinh của đời nhà Thanh, xem bộ Đại Tạng Kinh sau cùng, chính là bộ Càn Long tức Long Tạng. Tại vì sao? Vì vào thời xưa, kinh điển được nhập tạng là phải thông qua đương thời các bậc cao tăng đại đức, họ khẳng định, sau khi thông qua họ rồi, mới trình lên cho hoàng đế xem, hoàng đế hạ thánh chỉ cho nhập tạng. Đây là điều rất thận trọng, nhập tạng phải có tiêu chuẩn như vậy, hiện nay chẳng có tiêu chuẩn này. Xưa kia, in Đại Tạng Kinh là chuyện của quốc gia, chẳng phải của dân gian, hiện nay có tiền cũng có thể in Đại Tạng Kinh, tùy tiện in thêm sách của mình vào trong đó. Tự mình thích quyển sách nào cũng in thêm vào trong đó, không có ai kiểm tra, điều này thật là nghiêm trọng. Họ đem những kinh sách ngẫu tạo xen tạp vào trong Đại Tạng, thời nay là tự do ngôn luận, tự do xuất bản. Việc làm của họ là hợp pháp, phải làm sao đây? Cho nên thầy Lý dạy tôi tìm đọc cổ bản, y theo cổ bản, trong cổ bản chúng ta có thể tu học, có thể làm tham khảo. Nếu trong cổ bản chẳng có, tạm thời không nên xem, đến khi nào mới có thể xem? Đến khi quý vị khai ngộ thì có thể xem, khi quý vị khai ngộ thì chẳng có vấn đề vì quý vị có Phật tri, Phật kiến. Quý vị vừa xem thì biết loại kinh sách đó là thật hay giả, nếu tự mình chưa khai ngộ, nhất định phải nghe thầy dạy, phải tuân theo lời dạy của thầy, sau khi khai ngộ thì không có vấn đề.

Xưa kia, đời đời có bậc cao tăng chỉ dạy, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Ngày nay chúng ta tu học rất khó thân cận với thiện tri thức, tại vì sao? Vì người hiện nay đều nói mình là bậc thiện tri thức, vào thời xưa chẳng phải. Người thời xưa rất khiêm nhường, nếu quý vị nói họ là bậc thiện tri thức, có đạo hạnh, nhưng họ phủ định: “Tôi không có, tôi là hạng phàm phu”. Phải làm sao đây? Cho nên cũng có tiêu chuẩn, đó chính là nhập thất bé quan, hay

là lên núi ở am tranh tu hành, đây là hai tiêu chuẩn. Nếu đạo nghiệp của mình chưa thành tựu, chưa có đại triệt đại ngộ thì chẳng có tư cách bế quan, chẳng có tư cách lên núi ở am tranh. Còn như họ thật sự đã khai ngộ, khai ngộ rồi, vì sao họ không đi hoằng pháp? Vì chẳng có cơ duyên, không có người đến thỉnh họ, họ chẳng thể nói rằng: “Ta đã khai ngộ, người đến thỉnh ta”, chẳng thể nói như vậy! Vậy phải làm sao? Họ phải bế quan, bế quan để làm gì? Để dưỡng đạo, chờ đợi người ta đến lễ thỉnh họ xuất quan, là cái ý nghĩa này. Thế nhưng hiện nay thì không được, người hiện nay tùy tiện có thể bế quan, họ vừa mới cạo đầu xuất gia thì họ muốn bế quan, họ cái gì cũng không biết, đúng là thời nay đã loạn, chẳng có ai khuyên dạy, thật là không dễ.

Lúc tôi còn trẻ, không biết, cho nên lúc đó tôi mới xuất gia, có một vị cư sĩ ở Đài Bắc, hình như ở trên núi, ông ta có một căn nhà. Trong thời kỳ chiến tranh, ông ta sợ máy bay Mỹ oanh tạc cho nên ông ta ở trên núi. Đào một cái hầm trú ẩn tránh máy bay, cất một căn nhà theo kiểu Nhật Bản rất đẹp, sau khi chấm dứt chiến tranh, căn nhà đó đã bỏ trống trên núi. Ông ta dẫn tôi đi xem, rất là lý tưởng, ông ta muốn tặng cho tôi nhưng tôi không tiếp nhận. Tôi nói tôi chỉ ở trên này ba năm, bế quan ba năm được rồi. Tôi về Đài Trung thưa với thầy Lý, liền bị thầy Lý trách mắng một trận, thầy bèn nói những điều kiện nhập thất bế quan và tu trên núi. Lúc đó tôi mới hiểu rõ bế quan là gì, không có thể tùy tiện mà có thể bế quan, lúc đó chúng tôi mới biết ý nghĩa bế quan là gì.

Thầy lại nói hòa thượng Triệu Châu, tám mươi tuổi, còn đi hành cước, Ngài tuổi tác lớn như vậy mà vẫn còn đi tham học. Tại vì sao? Vì chưa khai ngộ nên phải đi tham học. Thầy nói: “Ông cái gì cũng không biết thì ông làm sao có thể nhập thất, bế quan?” Cho nên nhất định phải hiểu rõ điều này, bế quan và lên núi ở am tranh tu hành chẳng phải là chuyện đơn giản. Có nghĩa là quý vị tuyên bố với mọi người, đức hạnh và đạo nghiệp của mình đã thành tựu, nay vì không có cơ duyên, nhập thất bế quan là chờ đợi người ta đến lễ thỉnh, là cái ý nghĩa này, đây là điều kiện thứ nhất.

Điều kiện thứ hai, chưa khai ngộ cũng có thể nhập thất bế quan, cũng có thể tu trên núi. Tại vì sao? Vì họ rất có tiếng, thù tiếp quá nhiều, họ chẳng có cách nào tu hành, điều này có thể được. Mượn lúc bế quan để tránh tiếp kiến

những người không cần thiết, để có thời gian tự mình thật sự dụng công. Xưa kia nhập thất bế quan và lên núi ở am tranh tu hành là có hai điều kiện này, nếu quý vị chẳng có hai điều kiện này thì phải ngoan ngoãn, thành thật mà tu học. Kế tiếp là nói những người bất thiện:

Kinh văn: “Hoành hành oai thế, xâm dịch w nhân”.

Tức là uy hiếp, lừa dối. Đều là cầu danh, cầu lợi.

Kinh văn: “Dục nhân úy kính, bất tự tâm cụ”.

Tâm là tâm quý, ý nghĩa của chữ Tâm này là nội tâm của mình cảm thấy xấu hổ, đây là ý nghĩa của chữ Tâm. Quý là dư luận bên ngoài chỉ trích, tự mình đã làm sai, sợ người khác phê bình, đây là tâm xấu hổ. Cho nên người có tâm xấu hổ thì không dám làm việc ác, không dám có ác niệm, sợ có lỗi với lương tâm, sợ người khác phê bình. Người hiện nay họ chẳng biết cái gì là xấu hổ, dù họ đã làm việc ác, hình như họ cũng chẳng có ý niệm tự trách. Họ còn tỏ ra dương dương tự đắc, còn nghĩ rằng mình làm rất đúng, lúc người khác phê bình họ vẫn cảm thấy rất vinh dự. Quý vị hãy xem báo chí ngày nay, lại đăng một trang lớn nội dung toàn là sát, đạo, dâm dục, cho nên mới nói họ không có tâm xấu hổ, hay nói cách khác, họ dám làm tất cả việc ác.

Kế tiếp là nói đến chữ Cụ, Cụ là sợ hãi, sợ cái gì? Sợ báo ứng. Thế nhưng người tin sâu nhân quả mới biết sợ hãi, còn người không tin nhân quả, họ chẳng sợ chút nào. Người hiện nay tin khoa học, không tin nhân quả, nghĩ rằng nhân quả là xưa kia người thông minh dùng một lối thủ đoạn để lừa dối người ngu si, họ nghĩ như vậy là mê tín. Những cách nghĩ, cách nói này là sai lầm, đối với xã hội sẽ sanh ra tai họa nghiêm trọng. Vậy thì có nhân quả hay không? Chúng ta tin lời nói của cổ nhân là thành thật, họ không bao giờ nói dối, cũng chẳng bao giờ nghĩ ra một phương pháp để dọa người, họ không làm như vậy. Tại vì sao? Vì đó không phải đạo đức. Các bậc thánh hiền và Phật, Bồ Tát họ chú trọng không nói dối, đoạn kinh văn này là nói cho chúng ta biết, không nói dối, không nói lưỡi hai chiều (lương thiệt), không nói lời thêu dệt, không nói lời thô lỗ. Bậc thánh hiền làm sao có thể lừa dối người? Họ suốt đời giảng dạy, nếu có một lần lừa dối người thì sẽ khiến cho người khác

nghĩ rằng họ suốt đời đều là lừa dối người. Một người thiện thông thường cũng chẳng muốn lừa dối người, huống chi là bậc thánh hiền! Làm sao có thể lừa dối người. Phật, Bồ Tát cũng không bao giờ lừa dối người. Những lời họ nói nhất định là có y cứ, họ nói về thiên thân và quỷ thân, khẳng định là họ đã nhìn thấy, nếu họ không nhìn thấy, họ làm sao dám nói? Trong thế gian, những người có duyên phần họ cũng nhìn thấy.

Lúc tôi mới học Phật, cũng đã chịu sự ảnh hưởng của sự giáo dục ngày nay, lúc còn nhỏ tôi đã tin nhân quả, tôi theo mẫu thân ở dưới quê, thì đã tin. Nhưng về sau đến trường học hành, mỗi ngày nghe thầy giáo giảng bài thì không còn tin nữa, sanh lòng hoài nghi. Đến khi tôi bắt đầu học Phật, gặp được một vị lão cư sĩ, là lão cư sĩ Châu Kính Trụ, ông ở Đài Loan cũng rất có tiếng, trong giới Phật giáo đều biết ông, ông đã viết mấy quyển sách. Tuổi tác của ông lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, thuộc vai tổ phụ, cho nên đối với những người trẻ tuổi như chúng tôi, ông rất thương mến. Ông thường kể chuyện cho chúng tôi nghe, nhất là kể chuyện quỷ thân, đều là chính ông đích thân trải qua, chẳng phải là truyền thuyết. Ông kể chuyện quỷ thân là chuyện có thật, bởi vì nhạc phụ của ông là tiên sinh Chương Thái Viêm, tiên sinh là một Hán học vào năm đầu Dân Quốc của Trung Hoa, trong giới giáo dục rất có tiếng.

Ông nói nhạc phụ của ông lúc còn tại thế, đã từng làm qua phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, chức vị này rất cao, làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế, chức phán quan tương đương với bí thư trưởng. Ví như Đông Nhạc Đại Đế là tỉnh trưởng, thì ông là bí thư trưởng của tỉnh trưởng, chức vụ của ông cao như vậy. Có lẽ phán quan của Đông Nhạc Đại Đế có việc khác phải làm, tạm thời rời khỏi, nên thỉnh ông thay mặt, ban ngày ông làm việc trên dương gian, ban đêm thì có mấy tiểu quỷ khiêng kiệu đến thỉnh ông lên kiệu đưa ông đi làm việc, đến sáng sớm ngày hôm sau mới đưa ông trở về. Ông đã làm hết một tháng, cảm thấy rất mệt, ngày đêm không có ngủ nghỉ, ban ngày thì bận việc trên dương gian, ban đêm thì đến quỷ đạo làm việc. Có một lần ông dùng giấy vàng viết vài chữ xin nghỉ phép hai ngày thì Đông Nhạc Đại Đế cho ông nghỉ phép, trong hai ngày đó không có tiểu quỷ đến đón ông. Ông cũng thường kể chuyện cho các bạn bè nghe, lúc ông đến quỷ đạo làm việc, đây là chuyện có thật. Lão cư sĩ Châu Kính Trụ, tuy đã nghe, đã nghe rất nhiều

nhưng nửa tin, nửa ngờ.

Có lúc ban đêm ông nhìn nhạc phụ nằm ngủ trên giường giống như người chết vậy, ông rờ cũng không có cảm giác, dù ông có kêu cũng chẳng thức dậy, nhất định đến sáng sớm ngày hôm sau thì nhạc phụ ông trở về, mới có cảm giác. Tuy vậy ông cũng chẳng hoàn toàn tin hẳn, ông nhìn thấy những chuyện này rất nhiều, ông nói: “Tôi thật sự tin là chính mắt mình gặp phải”. Trong thời kỳ kháng chiến, ông ở Tứ Xuyên, làm cục trưởng cục Thuế Vụ Tây Khang tỉnh Tứ Xuyên, vì ông chuyên học về kinh tế, tài chánh. Ông nói, có một đêm cùng với các bạn đánh bài, đánh bài Mạt Chược đến nửa đêm, có lẽ đến hai giờ đêm mới đánh xong, thì ông về nhà. Con đường về nhà rất xa, phải đi mất gần một tiếng đồng hồ, lúc đó chẳng có giao thông công cụ, cũng chẳng có đèn. Trên đường đi chỉ có cột đèn, những cột đèn cách nhau rất xa, những ngọn đèn đường chỉ có hai mươi watts.

Quý vị nghĩ xem, chỉ là cho quý vị nhìn thấy con đường mà thôi, chứ thực tế cũng là đi đường tối om. Ông nói, lúc đi được nửa đường thì ở phía trước ông có một người, đã đi rất lâu cũng không chú ý đến, dù sao phía trước có một người đang đi, cũng nhìn thấy, là người đàn bà. Cứ đi như vậy khoảng nửa tiếng, ông đột nhiên nghĩ đến, nửa đêm trời tối như vậy, tại sao lại có một người đàn bà đi ra ngoài đường? Khi ông vừa nghĩ đến điều này thì toàn thân ông rùng mình, rón gáy, ông biết mình đã gặp ma. Cho nên ông nhìn kỹ phía trước, người đàn bà đó chỉ có thân trên, không có thân dưới, ông vừa kinh sợ thì cảnh tượng đó biến mất. Ông vừa đi vừa nghĩ, tuyệt đối chẳng phải hoa mắt, mà là sự thật. Ông nói: “Bắt đầu từ ngày đó tôi mới thật sự tin, nếu chẳng phải tôi chính mắt nhìn thấy, tôi cũng không tin, cũng nửa tin, nửa ngờ”.

Do vì nhân duyên đó, ông mới thật sự quy y, thật sự học Phật, trở thành đệ tử của Phật môn. Sau khi kháng chiến thắng lợi, ông làm bộ trưởng bộ Tài Chánh của tỉnh Chiết Giang, về sau ông đến Đài Loan, tôi cũng là một người bạn đồng hương của ông. Tôi quen biết với ông là lúc tôi mới học Phật, ông đã giúp tôi rất nhiều, tôi theo thầy Lý học Phật là do ông giới thiệu, ông và thầy Lý là bạn cũ, ông cùng tuổi với thầy Lý. Những chuyện quỷ thần như vậy, chính chúng tôi đã có gặp phải hay không? Cũng có. Cho nên tôi cũng nghĩ đến, lúc tôi trong thời kỳ kháng chiến, lúc đó tôi khoảng mười sáu tuổi,

rất còn trẻ, sống ở ngoại thành Hằng Sơn, tỉnh Hồ Nam, cách xa thành thị tám cây số, bên cạnh sông Tương. Có một căn nhà gần bờ sông, chủ nhân của căn nhà đó, có lẽ trước kia gia cảnh cũng khá lắm, căn nhà mái ngói, bốn dãy bọc thành. Tuy họ ở dưới thôn quê nhưng là một gia đình giàu có, căn nhà rộng rãi, phía sau còn có một vườn cải rất lớn.

Gia đình này đã sa sút, chỉ còn lại hai vợ chồng già và một đứa con gái, lúc chúng tôi đến đó ở, họ rất hoan hỷ bởi vì họ không có con trai, nhà rất vắng vẻ, căn nhà của họ có hai tầng, nhưng cũng không có lầu thang lên trên lầu. Ở trên lầu có một con hồ ly, thật sự là hồ ly tinh, cho nên lúc chúng tôi ở đó, chính mắt thấy được hồ ly tinh đó, mới tin trong truyện tiểu thuyết nói, chẳng phải giả. Con hồ ly đó biến thành một con người, chúng tôi nhìn thấy là nam, không phải nữ, nó mặc một chiếc áo dài bằng vải, rất nhiều người cũng nhìn thấy, nhưng không có ai nhìn thấy mặt chánh của nó, chỉ nhìn thấy mặt bên và sau lưng của nó, tôi cũng nhìn thấy sau lưng của nó, không có nhìn thấy mặt chánh. Nghe người ta nói, nó ở trên lầu đó đã lâu, đã ở rất nhiều năm, chẳng có chuyện gì xảy ra, có một năm thì xảy ra một chuyện, bà chủ căn nhà đó, bà có mấy người anh em đi săn bắn.

Buổi sáng sớm hôm ấy, họ thấy con hồ ly ở trên nóc nhà đang lay mặt trời, họ dùng súng săn bắn chết con hồ ly đó, thì đã kết oán thù với nó, con hồ ly đó thường đến làm quấy nhiễu gây rắc rối. Năm đó con gái của bà chủ nhà, hình như là mười sáu tuổi, bị nó cưỡng ép, cho nên con gái của bà không dám ở nhà đó, dọn đi rất xa, ở nhà bà con, thỉnh thoảng cô ta trở về thăm cha mẹ. Lúc đó chúng tôi nhìn thấy con gái của bà chủ nhà, chúng tôi nghĩ trong nhà không có con trai, tại sao cô ta không ở nhà, thì mới biết xảy ra chuyện như vậy, họ đã kết oán thù với con hồ ly. Chuyện này là thật, chẳng phải giả, đây chẳng phải là trong truyện tiểu thuyết nói dối mà là chuyện có thật! Lúc đó chúng tôi mới thật sự tin chuyện này, đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy.

Sau khi kháng chiến thắng lợi, tôi lại gặp phải một chuyện rất kỳ lạ, năm đó tôi trở về thăm quê nhà, ở dưới quê nhà hết một tháng. Chúng tôi có người bà con họ Trần, là một nhà rất giàu có, họ có một tàu để chở gạo, dùng bao bố đựng gạo, họ chở gạo bằng tàu. Quê nhà chúng tôi sản xuất gạo, loại gạo này phần nhiều chở đến huyện Vu Hồ để bán, lần đó họ chở gạo đến Nam Kinh,

lúc chất gạo lên tàu thì có người nhìn thấy, hình như là một con chồn hôi, nó từ miếng ván nhảy lên tàu. Mọi người cảm thấy rất kỳ lạ, đi tìm xem, tìm khắp nơi cũng không thấy, sau cùng có người nói có lẽ là hoa mắt, cho nên mọi người cũng không để ý đến. Chiếc tàu này là tàu buồm, tàu đi khoảng một tuần thì đến Nam Kinh, khi đã đến Nam Kinh mới phát hiện tất cả gạo đều biến mất, chỉ còn lại bao bố không, bên trong chẳng có một hạt gạo nào. Cho nên trong tâm mọi người đã biết rõ, có người nhìn thấy con chồn hôi nhảy lên tàu, chẳng sai chút nào. Số gạo đó đã đi đâu rồi? Tìm không thấy, cũng không biết làm sao! Cho nên họ ở lại Nam Kinh dạo chơi mấy ngày rồi trở về nhà. Khi họ về đến nhà thì phát hiện số gạo đó đều ở trong kho, thật là một chuyện đùa, số gạo đó không chở đi nơi khác mà tại sao nó trở về nhà? Con chồn hôi đó, có phải đã thành tiên rồi hay sao? Là Hoàng Đại Thiên thì không biết được, nhưng đó là chuyện có thật, chẳng phải là chuyện tiểu thuyết nói dối.

Cho nên trong xã hội dân gian này, có rất nhiều chuyện kỳ lạ, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được. Từ khi chính mắt tôi đã nhìn thấy, về sau tôi nghĩ đến bộ sách Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh, có lẽ là những chuyện không phải giả. Vì ông đi khắp nơi thu nhặt, khi có người ta kể những chuyện đó thì ông đem nó ghi chép lại, ông chuyên môn thu thập những chuyện quỷ thần, có thể đáng tin. Ngoài ra còn có một bộ sách Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký, là do ông Kỷ Hiểu Lam đời Thanh viết, cũng là những chuyện có thật. Ông Kỷ Hiểu Lam học rộng, nghe nhiều, ông là người tổng biên soạn bộ Tứ Khố Toàn Thư, cho nên tôi tin ông viết những chuyện đó đều là chuyện có thật. Hiện nay các nhà khoa học đều nói chứng cứ, chứng cứ nhất định phải chính mắt nhìn thấy, nếu chẳng phải chính mắt nhìn thấy thì trong lòng sẽ còn có hoài nghi. Chúng tôi thật sự đã nhìn thấy, rồi liên tưởng đến những chuyện khác, đó là những chuyện có thật, không phải giả.

Hiện nay có người nói họ chẳng tin nhân quả, điều này rất nghiêm trọng. Cho nên họ mới dám nói càn, làm bậy, khi quả báo hiện tiền, họ hối hận cũng chẳng kịp, vì vậy giáo dục nhân quả rất là quan trọng. Mấy tháng trước, tôi đi chữa bệnh răng ở Đài Loan hết tám tháng, tháng Ba tôi đi, đến tháng Mười mới chữa xong. Trong thời gian tám tháng, tôi ở Đài Loan gặp được một sĩ quan cảnh sát, ông Hoàng Bá Lâm, ông là một sĩ quan cảnh sát cao cấp,

hiện nay ông vẫn chưa hồi hưu. Chúng tôi quen biết với nhau đã lâu, trước kia ông đã từng nói với tôi rằng, ông điều tra những vụ án hình sự, hầu như tám mươi lăm phần trăm đều là oan hồn của những người bị hại giúp cho cảnh sát hình sự tìm được thi thể để phá án, bắt được hung thủ. Nếu không có những kỳ tích này, chắc có lẽ không tìm được tung tích, cho nên sau khi những vụ án đã kết thúc, ông cho đăng trên báo chí và tạp chí, thậm chí trên đài truyền hình cũng có tường thuật những tin tức này.

Cho nên cảnh sát hình sự, họ rất tin có ma, có lúc họ đang điều tra vụ án mà gặp phải khó khăn, họ liền đốt nhang cầu nguyện, hy vọng hồn ma đến giúp họ để phá án, bắt được hung thủ. Cho nên tôi khích lệ ông ta, những chuyện mà ông đã đích thân trải qua, đã viết thành một quyển sách. Tôi nói, viết thành sách cũng chưa đủ, phải làm thế nào lên đài truyền hình, một tuần giảng một, hai lần nói với mọi người rằng những chuyện này hoàn toàn là chuyện có thật, chẳng phải giả, khiến cho đại chúng xã hội, khi khởi tâm động niệm, phải nên biết cẩn thận. Thiện ác có báo ứng, không sai chút nào. Cho nên đối với những người chẳng tin nhân quả và những người không biết luân lý, đạo đức, trong kinh Phật có nói “*nan khả hàng hóa*”, tức là không dễ giáo hóa! Nhưng nếu đem chân tướng sự thật bày ra cho họ thấy, thì họ không thể chẳng tin.

Nay chúng ta đã xem bộ phim 2012, cũng là trên toàn cầu đang trình chiếu bộ phim này, nói về tương lai xảy ra tai họa, bộ phim này rất có lợi ích, đang trình chiếu trên toàn cầu để cho mọi người đề cao cảnh giác, rất là hiếm có. Hình như còn có một bộ phim kế tiếp sau bộ phim này, sau khi được trình chiếu, có rất nhiều nhà khoa học, họ đang thảo luận vấn đề này. Họ thảo luận năm 2012, cho nên trong mấy ngày nay, có các đồng tu thu thập một số tài liệu. Họ đã thu thập được năm bản tài liệu, tôi đã xem rồi, rất là hiếm có. Hiện nay có một số nhà khoa học, họ nói rằng chuyện này có thể xảy ra, tại sao lại nói có thể xảy ra? Họ nói xảy ra tai họa này, không phải từ bên ngoài đến, thế nhưng có ảnh hưởng trợ gió mặt trời, gió mặt trời là vết đen mặt trời, nhà khoa học suy đoán năm 2012 là năm dữ dội nhất của vết đen mặt trời. Chu kỳ của nó là mười một năm một lần, năm 2012 là đúng năm chu kỳ của nó, và lại lần này mức độ bộc phát của nó, có thể nói trước kia không có, mà lần này nghiêm

trọng nhất.

Thông thường sự ảnh hưởng của vết đen mặt trời đối với chúng ta không lớn lắm, chỉ là làm ảnh hưởng thông tin và sóng điện từ, bị ảnh hưởng cái này. Thế nhưng vào năm 2005, lần đó sức bộc phát của nó rất lợi hại, bởi vì gió mặt trời từ mặt trời thổi đến địa cầu, thông thường thời gian hai ngày đến ba ngày thì mới đến nơi. Nhưng lần đó, năm 2005 chỉ có ba mươi phút, ba mươi phút thì đến nơi, cho nên mới xảy ra những tai họa trên địa cầu, làm cho những thông tin hỗn loạn. Năm 2012, lần này có thể rất nghiêm trọng, đây là nhà khoa học suy đoán, nếu lúc sức bộc phát rất có thể dẫn đến bộc phát núi lửa, động đất và sóng thần trên địa cầu, sẽ tạo thành những tai họa nghiêm trọng.

Các nhà khoa học có khả năng đề phòng hay không? Bây giờ vẫn chưa có khả năng. Thế nhưng họ cũng đã nói cho chúng ta biết, con người phải thay đổi quan niệm, phải giữ lòng tốt, phải làm việc tốt, phải dùng lòng thương để đối người, tiếp vật. Những lời nói này của họ rất tương ứng với Phật pháp đã nói. Trong giáo pháp Đại Thừa, Phật nói với chúng ta rằng: *“Tất cả pháp từ tâm tướng sanh”*, cho nên tâm thái của con người cùng với đại thiên nhiên có quan hệ mật thiết, tâm thái của con người hiền lương, tâm địa thanh tịnh thì sẽ ít tai họa. Chuyện này, trong mấy năm gần đây, tiến sĩ Giang Bồn Thắng ở Nhật Bản đã chứng minh, ông dùng nước thí nghiệm, đích thật, ý niệm của chúng ta, nước cũng biết được. Nước là khoáng vật, chúng ta dùng thiện niệm đối xử với nó thì nó phản ứng kết tinh rất đẹp, nếu chúng ta dùng ác niệm đối xử với nó thì nó kết tinh rất xấu xí. Ông thí nghiệm nhiều lần, không sai chút nào, cho nên ông nói với tôi, là thật chẳng phải giả.

Lúc tôi ở Đông Kinh, tôi đến thăm viếng phòng thí nghiệm của ông, đã thấy ông thí nghiệm. Thì tôi nói với ông ấy rằng, trong kinh Phật có nói, chẳng những nước biết được ý niệm của chúng ta, mà hết thảy tất cả vật chất cũng biết được. Vật chất và tinh thần mãi mãi không có chia ra, trong kinh Phật nói vật chất là gì? Là vi trần. Vi trần tức trong khoa học gọi là lap tử, cơ bản lap tử không thể phân chia nữa. Trong cơ bản lap tử có đầy đủ bản năng, tức là nó có đủ thấy, nghe, giác, biết, nó nhỏ như vậy mà có đủ thấy, nghe, giác, biết, nó cũng có thọ, tưởng, hành, thức, cho nên nó có cảm giác. Vì vậy tôi

mới khích lệ ông ấy, ngoại trừ nước ra, có thể tất cả vật chất khác cũng có thể làm thí nghiệm. Ông cũng có thể tìm ra thấy, nghe, giác, biết và thọ, tưởng, hành, thức của nó, chứng minh toàn cả vũ trụ là sống động, nó không phải chết. Cho nên núi, sông, đất đai là sống, chúng ta có tâm thiện, hành thiện thì đất đai kiên cố, đây là trong kinh Phật nói chẳng bao giờ có tai họa. Nếu tâm con người bất thiện thì đất đai trở thành mềm nhũn, rất dễ xảy ra tai họa.

Cho nên các nhà khoa học hiện nay bàn đến vấn đề này, cũng bàn đến vấn đề tâm thái, điều này rất là hiếm có, cũng là cảnh giác cho chúng ta. Nếu chúng ta biết chuyển từ tâm thái, cũng có thể hóa giải được tai họa, cho dù không thể hóa giải nhưng cũng sẽ giảm nhẹ. Trên toàn thế giới mà có một phần trăm người, tức là trong một trăm người có một người, thật sự biết chuyển tâm thái, sẽ sanh ra sức ảnh hưởng, có khả năng thay đổi hoàn cảnh này. Nhưng nếu chẳng tin thì khó tránh khỏi tai họa. Phật tại trong kinh này có nói:

Kinh văn: “Nan khả hàng hóa, thường hoài kiều mạn”.

Là nói những người tạo ác này. Họ sống trong thế gian này, họ vẫn được phước báo, họ chẳng có báo ứng, đây là nguyên nhân gì? Phật lại nói tiếp:

Kinh văn: “Lai kỳ tiền thế, phước đức doanh hộ. Kim thế vi ác, phước đức tận diệt”.

Mấy câu này nói được rất hay, đã nói ra nguyên nhân. Vì họ trong đời quá khứ đã từng làm việc tốt, nếu như việc tốt đó ảnh hưởng rất nhiều người và ảnh hưởng thời gian rất dài, phước báo của họ rất lớn. Tuy nay họ làm việc ác, lúc họ làm việc ác, đã mất đi một phần phước báo trong mạng của họ, nhưng họ còn có dư phước. Cho nên họ trong đời này chưa có ác báo hiện tiền, khi họ hưởng hết một chút dư phước đó rồi thì ác báo của họ hiện tiền. Hành thiện cũng là như vậy, có lúc chúng ta nhìn thấy người tốt, họ thật sự là người tốt, nhưng cuộc sống của họ rất nghèo nàn, cuộc sống của họ rất khốn khổ, đây là nguyên nhân gì? Vì trong đời quá khứ, họ đã làm việc ác, nay trong đời này họ còn có dư ác. Nếu họ trong đời này mà không hành thiện, chắc có lẽ họ đã chết sớm rồi. Họ, hoặc là gặp phải nhiều khổ nạn, cũng may là trong đời này

họ biết hành thiện, tâm thiện, hành thiện cũng có thể tiêu trừ được một phần ác báo của họ. Thế nhưng họ vẫn còn dư ác, khi họ chịu hết dư ác này rồi thì phước báo của họ mới hiện tiền.

Cho nên cổ nhân có nói: *“Không phải không báo, thì giờ chưa tới”*, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Chúng ta thấy trong xã hội ngày nay, có nhiều người bất lương tác oai, tác quái. Họ ở trong xã hội có địa vị, có tài sản, có thế lực, cho nên có rất nhiều người nhìn thấy tình hình này, họ chẳng tin nhân quả báo ứng nữa. Quý vị thấy, họ làm nhiều điều ác như vậy mà họ còn làm quan lớn, phát đại tài, có thế lực, họ làm gì có ác báo. Còn những người hành thiện cũng chẳng thấy họ có được hưởng phước. Cho nên họ chẳng biết nhân quả thông ba đời, không phải chỉ nói đời này, mà là có liên hệ với đời trước, trong đời này có trước sau khác nhau.

Trước làm, là chân tâm làm việc thiện, đó là họ tu phước, đến khi họ cuối đời lại làm rất nhiều việc ác, cho nên đời này chẳng có ác báo. Vì họ trong đời quá khứ có làm việc thiện, nếu trong đời này họ có tâm thiện, hành thiện thì địa phương đó bảo vệ họ, che chở họ. Trong kinh này có nói: *“Phước đức doanh hộ”*, Doanh là kinh doanh, Hộ là bảo vệ, cho nên họ không gặp phải tai họa. Mà trên thực tế cũng có quả báo trong đời này, chẳng phải không có, quả báo rất mau, đó chính là trong đời quá khứ họ chẳng có hành thiện, đời trước họ chẳng có làm chuyện tốt. Nếu trong đời này họ tạo ác nghiệp thì lập tức có ác báo. Nhưng vào thời nay, rất ít nói về chuyện này, nếu trên truyền thông, báo chí mà nói nhiều về nhân quả báo ứng, thì sẽ khiến cho đại chúng cảnh giác. Đúng là chẳng phải không báo, thì giờ chưa tới. Trong kinh Phật có nói: *“Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị”*. Cho nên trong kinh luận, chư tổ sư đại đức thường dạy cho chúng ta, người thông minh phải có tiền hậu nhãn, có tiền hậu nhãn tức là nhận biết nhân quả, biết được tiền nhân, hậu quả. Khi chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể thuận theo tập khí, phiền não của mình, về sau quả báo không thể lường được.

Cho dù chúng ta trong đời này phải chịu rất nhiều điều oan ức, phải chịu rất nhiều sự khốn khổ, tự mình phải nên phản tỉnh, nếu không phải chúng ta trong đời này có lỗi lầm, thì nhất định là trong đời trước, nếu trong đời trước

chẳng có lỗi lầm, thì nhất định là trong đời này có lỗi lầm. Quý vị hãy nghĩ đến điều đầu tiên, bất hiếu với cha mẹ, bất kính với sư trưởng, chẳng tôn kính thánh hiền, đây cũng là sự lỗi lầm, cho nên quý vị trong đời này mới gặp nhiều chuyện không như ý. Trong ngàn ngữ có nói: “*Con người sống trên đời này thường gặp phải chuyện không như ý*”, là có nguyên nhân, chẳng phải không có nguyên nhân. Thiện nhân nhất định có thiện báo, ác nhân nhất định có ác báo, chẳng phải không báo, thì giờ chưa tới. Hiện nay đã xảy ra những tai họa thật là quá nhiều, làm sao mà nói không có báo ứng? Quý vị hãy chú tâm mà quan sát, quý vị mới thấy được rõ ràng.

Kể tiếp hai câu: “*Kim thế vi ác, phước đức tận diệt*”. Họ trong đời quá khứ có tu phước, đã tu đại phước, phước báo này vốn có thể hưởng được một trăm năm, trường thọ hưởng được một trăm tuổi. Chính bởi vì tạo ác, chỉ tới năm mươi tuổi đã hưởng hết phước báo, đã bị chiết khấu hết phân nửa, thì đã hết phước báo. Đây chẳng phải trời đất quý thần đang làm chủ tể, cũng chẳng phải ông trời trừng phạt họ, mà là họ tự làm tự chịu, đó là nghiệp lực của họ. Vì nghiệp lực của ác quá lớn, còn nghiệp lực của thiện dần dần yếu ớt, thiện nghiệp chống đỡ không nổi ác nghiệp, thì ác báo này càng ngày càng mãnh liệt.

Trong Phật pháp có nói kẻ mạnh báo trước, kẻ mạnh kéo trước, kéo là kéo dẫn quý vị đến một đạo nào đó để đầu thai, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Người thế gian hiện nay tạo nghiệp, đúng như ba ngàn năm trước Phật tại trong kinh đã nói: “*Sát, đạo, dâm, vọng*” (Sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối), bốn điều này chẳng phải thiện nghiệp. Sát, đạo, dâm, vọng, Phật dạy cho các đệ tử, trước tiên phải xa lìa, cho nên Phật giảng ngũ giới, quý vị chẳng thể không xa lìa, nếu không xa lìa thì quả báo rất đáng sợ. Quả báo sở cảm là tam đồ địa ngục, tam đồ là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, trong lục đạo, có ba đạo này. Ba đạo này là khổ, đạo vào ba đạo này thì rất dễ, muốn ra khỏi ba đạo này thì rất khó. Họ đã tạo ác nghiệp trong đời quá khứ, phải chịu thọ báo hết trong ba đạo này, họ mới có thể ra được. Giống như người phạm tội ở trong tù, nhất định phải đúng kỳ hạn, họ mới có thể ra được.

Ngục tù của thế gian chẳng thể sánh bằng với tam ác đạo này! Họ ở trong đó chịu tội, sau khi chịu tội xong, họ được ra ngoài. Lúc được ra ngoài, bởi vì

còn có dư báo cho nên họ đầu thai làm người nghèo nàn, hèn hạ, họ suốt đời phải chịu dày vò, cuộc sống rất khổ sở. Và lại, còn phải trả nợ, còn phải trả mạng, vì trong đời quá khứ họ đã giết hại những chúng sanh đó, bất luận là cố ý hay vô ý. Những chúng sanh đó đến trả thù, vì trong đời quá khứ họ đã dùng thủ đoạn gian trá lừa dối người, lần này gặp lại thì phải trả nợ, quý vị phải biết rõ điều này. Phải làm sao đây? Thiếu mạng thì trả mạng, thiếu nợ thì trả tiền, cho nên từ nhân quả ba đời mà nói, con người suốt một đời, có chiếm được sự lợi ích của người khác hay không? Không chiếm được. Có thiệt thòi hay không? Không có. Ngày nay chúng ta đã bị người ta lừa gạt, đã tổn thất tài vật, quý vị sẽ nghĩ đến, vì trong đời quá khứ ta đã lừa gạt họ, nay trong đời này ta phải trả họ thì hết nợ. Nếu ta chẳng có lừa gạt họ, đời sau họ phải trả ta, cho nên khi quý vị hiểu rõ đạo lý này rồi, thì tâm của quý vị đã bình. Cho nên cổ đức có nói “*thiệt thòi là phước*”, tâm bình, khí hòa là đã trả hết nợ trong đời quá khứ đã thiếu, cho nên trong tâm vô cùng hoan hỷ. Ta không thiếu họ, nếu họ thiếu ta, đời sau họ sẽ trả ta, hoan hỷ mà trả ta, ta sống cuộc sống mãi mãi tâm địa thanh tịnh, đó gọi là có phước đức. Xin xem hai câu sau cùng:

Kinh văn: “Thọ mạng chung tận, chư ác nhiễu quy”.

Lúc thọ mạng đã hết, tức là vận mạng của quý vị đã đến chỗ cuối cùng, lúc đó oán thân trái chủ thấy đều hiện đến, thấy đều đến đòi nợ. Cho nên chúng tôi ở trong bệnh viện nhìn thấy, tôi có một người bạn học, đã qua đời nhiều năm. Lúc ông ta vào tuổi trung niên đã từng làm viện trưởng bệnh viện Vinh Dân ở Thạch Bài, Đài Bắc, chúng tôi là bạn học cùng lớp. Ông ta nói với tôi rằng, thật là có ma, những người làm trong bệnh viện đều tin có ma. Trong phòng bệnh, có người nhìn thấy quỷ vô thường đứng trước cửa, chỉ cần có người nhìn thấy, thì người bệnh trong ba ngày họ sẽ ra đi, các bác sĩ và y tá cũng thường nhìn thấy. Cho nên ông ta nói với tôi, ông rất tin chuyện này có thật, chúng ta là những người học Phật, niệm Phật đến bệnh viện, vì sao chẳng nhìn thấy ma quỷ? Vì thân có ánh sáng, khi ma quỷ nhìn thấy đều phải tránh né. Phàm là người nào nhìn thấy, khi vận khí của họ rất yếu, những người nào mà vận khí mạnh thì ma quỷ sợ họ, sẽ tránh né họ. Đến khi nào

vận khí của quý vị yếu thì thấy ma quỷ hiện ra, lúc đó chúng sẽ gây rắc rối với quý vị.

“*Chư ác*” tức là nói tam ác đạo, cho nên đến lúc sắp mạng chung, thiếu mạng thì họ đến đòi mạng, thiếu nợ thì họ đến đòi tiền. Có những bệnh nhân, lúc bệnh nặng trầm trọng sắp phải ra đi, họ sẽ nói với người nhà rằng, ta đã thấy người nào đó đứng ở trước cửa, điều này chúng tôi cũng thường nhìn thấy, đó là gì? Đó là họ thật nhìn thấy, chẳng phải giả. Trong kinh Địa Tạng có nói rõ, họ nhìn thấy những người thân nhân, quyến thuộc đều đã qua đời, có phải thật hay không? Không phải thật. Trong kinh Địa Tạng có nói, chẳng phải thật, đó là oán thân trái chủ của họ biến ra người thân nhân, quyến thuộc của họ để dụ dỗ họ, nếu họ nhìn thấy là oán thân trái chủ, thì họ không bao giờ theo chúng. Khi họ nhìn thấy là thân nhân, quyến thuộc thì họ liền đi theo chúng, sau khi đi theo chúng rồi, mặt mũi của chúng vừa biến thì chúng thanh toán quý vị, đến lúc đó quý vị hối hận cũng chẳng kịp, những chuyện này đều là sự thật, chẳng phải giả.

Cho nên người niệm Phật phải đem sự tu học của mình bỏ thí công đức hồi hướng cho oán thân trái chủ, tại vì sao? Vì trong vô lượng đời đời kiếp kiếp đến nay, chúng ta đã kết oán thù rất nhiều với tất cả chúng sanh cố ý hay vô ý, những chúng sanh đó bao gồm cả súc sanh như côn trùng, muỗi, kiến, chúng ta cố ý giết chúng. Lúc chúng ta còn nhỏ không biết, bắt được những động vật nhỏ để làm đồ chơi, chơi đùa cho đến chết, đó là cố ý, còn vô ý giết hại thì rất nhiều. Bất luận là cố ý hay vô ý, đến lúc quý vị sắp mạng chung thì chúng hiện đến trả thù.

Trong phần trước, tôi đã trình bày với quý vị, tôi có một người đồng tu xuất gia, là pháp sư Quảng Hóa, lúc pháp sư cuối đời đã bị tàn phế, đó là báo ứng. Pháp sư học giới luật, nghiêm trì giới luật, suốt đời mở lớp giảng dạy trong Phật Học Viện, pháp sư là một vị chân tu, phải chịu quả báo này. Pháp sư nói với tôi rằng, đó là nghiệp nhân, khi ông chưa xuất gia, còn là một quân nhân phục vụ trong quân nhu, trong tay có tiền. Ông trong coi về tài chánh, cho nên dùng tiền rất dễ dàng, mỗi ngày giết ăn một con gà. Suốt ba năm như vậy, có lẽ đã ăn hết một ngàn con gà, đây là cố ý giết, chẳng phải vô ý. Sau khi ông xuất gia, có một ngày ông đang tắm, đột nhiên nhìn thấy trong phòng

tắm đều là gà, bay nhảy tứ tung, thì ông tránh né nhưng bị té một cái thì gãy chân, ông tàn phế. Cho nên ông nói với tôi rằng, đây là đám gà đó đến trả thù, tội nặng báo nhẹ, lúc ông qua đời cũng rất thống khổ, cho nên tạo sát nghiệp này rất nặng! Suốt đời thật sự tu hành cũng không có biện pháp chuyển nghiệp, oán thân trái chủ họ chẳng có tha cho quý vị. Cho nên cần phải hết lòng làm đại công đức hồi hướng cho họ, khi họ được sự lợi ích thì họ mới tha cho quý vị.

Chúng ta tự mình chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, mỗi ngày quý vị ăn thịt, cho nên Phật khuyên mọi người, nếu nhìn không được, thì khuyên mọi người ăn tam tịnh nhục. Có nghĩa là không phải vì quý vị giết, quý vị chẳng nghe tiếng của nó lúc chết, lúc bị giết, cũng không thấy nó bị giết, thì có thể ăn loại thịt này, đây là nói xa một chút. Thật tại mà nói, trong thị trường hiện nay, mỗi ngày giết súc vật, vì ai giết? Vẫn là vì những người ăn thịt mà giết, nếu quý vị không ăn thì họ chẳng giết. Cho nên vào thời xưa ở đại lục Trung Hoa, có nhiều người làm nghề giết heo, trong một thôn trang, mỗi một tháng mới giết heo một lần, người mua thịt mới ăn được một lần, cho nên rất ít sát sanh. Thế nhưng, những người giết heo họ cũng lo sợ, lúc họ giết heo, họ nói vào lỗ tai của nó rằng, này heo à, xin người đừng trách, đừng trách ta, họ không ăn thì ta chẳng giết, người hãy đòi nợ những người ăn đi. Những người giết heo đó họ đẩy hết trách nhiệm cho những người ăn thịt, người hãy đòi nợ những người ăn đi, họ nói xong và sau đó họ mới giết chết nó. Quý vị nghĩ xem, họ đã kết oán thù sâu như vậy. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng ta chỉ học tập đến đây. A Di Đà Phật.